

Bản án số: 571/2024/DS-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Thu Ba

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Khanh
- Bà Võ Phương Trang

- **Thư ký phiên tòa:** ông Võ Minh Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 693/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Tài chính A; địa chỉ: 91 đường P, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Y, sinh năm 1972 – Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm 2000 (theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2023).

*Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988; địa chỉ: 2/7/4/23 Đường s, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải thì đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 23/02/2023 Công ty Tài chính A (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số 4324499 (gọi tắt là hợp đồng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thu T với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng, lãi suất 55%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân chuyển số tiền vay vào tài khoản cá nhân của bà T. Theo hợp đồng thì bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty bằng hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 2.692.742 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/02/2025.

Từ ngày được giải ngân đến nay bà T không thực hiện việc trả góp hàng tháng theo như hợp đồng đã ký kết. Nhiều lần Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại đồng thời cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán và thông báo cho bà T biết về việc đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2024 là 66.198.669 đồng, trong đó: nợ gốc là 38.772.000 đồng, lãi trong hạn là 19.430.678 đồng, lãi quá hạn là 6.850.223 đồng, lãi chậm trả là 1.145.769 đồng (cách tính lãi được căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN). Ngoài ra, bà T còn phải trả lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/3/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà T phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/8/2024 là 76.653.929 đồng, trong đó: nợ gốc chưa thanh toán: 38.772.000 đồng, lãi trong hạn: 23.006.819 đồng, lãi quá hạn 12.951.586 đồng và tiền lãi chậm trả: 1.923.524 đồng và còn phải trả lãi, phí phát sinh kể từ ngày 07/8/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

- Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, xác định đủ đúng những người tham gia tố tụng, về xác minh thu thập chứng cứ, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cho thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty Tài chính A khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu trả nợ vay, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và Công ty Tài chính. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tính đến ngày 06/8/2024 là 76.653.929 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4324499 ngày 21/02/2023, báo cáo lịch sử thanh toán, báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng, công văn số 21019/2023/MAFC-TB ngày 17/4/2023 về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn thì xác định bà Nguyễn Thị Thu T có ký hợp đồng tín dụng vay của Công ty tài chính số tiền 38.772.000 đồng, lãi suất 55%/năm, mục đích vay để mua hàng, kỳ hạn vay 24 tháng, kể từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/02/2025, thanh toán bằng hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 2.692.742 đồng. Thực hiện hợp đồng, kể từ ngày được giải ngân đến nay bà T không thực hiện việc trả góp hàng tháng cho Công ty, cho thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.2] Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt không lý do, cũng

không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như vắng mặt khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp và có căn cứ chấp nhận, buộc bà T phải trả cho Công ty tài chính số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/8/2024 là 76.653.929 đồng, trong đó: nợ gốc là 38.772.000 đồng, lãi trong hạn là 23.006.819 đồng, lãi quá hạn là 12.951.586 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.923.524 đồng và còn phải trả lãi, phí phát sinh cho Công ty tài chính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 07/8/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

[3.3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính A.

**1.** Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Công ty Tài chính A số tiền gốc và lãi phát sinh từ giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4324499 ngày 21/02/2023, tính đến ngày 06/8/2024 là 76.653.929 (bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: nợ gốc là 38.772.000 (ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, lãi trong hạn là 23.006.819 (hai mươi ba triệu không trăm lẻ sáu nghìn tám trăm mười chín) đồng, lãi quá hạn là 12.951.586 (mười hai triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm tám mươi sáu) đồng và tiền lãi chậm trả là 1.923.524 (một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T còn phải trả lãi, phí phát sinh cho Công ty Tài chính A trên số dư nợ gốc kể từ

ngày 07/8/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 3.832.696 (ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng. Hoàn trả cho Công ty Tài chính A tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.271.563 (một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0026926 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### 3. Thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**